

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 2 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(Dạng đầy đủ)****Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.989.147.893.495	2.314.574.077.143
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	215.187.425.272	265.372.942.880
1.	Tiền	111		215.187.425.272	166.247.322.880
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	99.125.620.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		568.748.959.728	640.963.654.551
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	673.108.755.055	793.653.196.515
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(104.359.795.327)	(152.689.541.964)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.121.050.589.855	1.281.496.916.610
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	325.109.622.380	384.475.183.118
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	87.005.277.488	136.464.182.973
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	709.764.749.309	761.386.609.842
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(829.059.322)	(829.059.322)
IV.	Hàng tồn kho	140		21.945.997.416	50.843.895.486
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	21.945.997.416	50.843.895.486
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		62.214.921.224	75.896.667.616
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	18.183.742.873	18.827.902.103
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.183.270.808	967.321.052
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	3.026.571.426	9.960.652.399
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	37.821.336.117	46.140.792.061



Cho quý 2 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.927.958.990.570	2.963.921.452.035
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		573.150.580.488	705.038.470.578
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	519.754.012.310	650.141.953.343
	<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.031.948.007.832</i>	<i>1.189.463.980.515</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(512.193.995.522)</i>	<i>(539.322.027.172)</i>
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	13.485.866.658	14.115.485.352
	<i>Nguyên giá</i>	228		<i>17.492.719.327</i>	<i>17.494.143.335</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(4.006.852.669)</i>	<i>(3.378.657.983)</i>
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	39.910.701.520	40.781.031.883
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.16	233.256.093.896	239.202.151.988
	<i>Nguyên giá</i>	241		<i>279.448.439.795</i>	<i>279.448.439.795</i>
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		<i>(46.192.345.899)</i>	<i>(40.246.287.807)</i>
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.041.778.863.307	1.936.068.379.102
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.17	959.595.944.122	942.636.944.122
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	730.468.067.779	700.718.067.779
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	513.527.721.724	410.286.571.094
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(161.812.870.318)	(117.573.203.893)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		42.773.452.879	46.612.450.367
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	24.305.759	3.833.803.247
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.22	42.749.147.120	42.778.647.120
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		4.917.106.884.065	5.278.495.529.178

07
 08
 09
 10
 11
 12

Cho quý 2 năm 2012

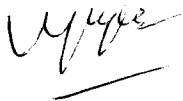
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.069.376.444.878	1.416.171.821.738
I.	Nợ ngắn hạn	310		802.750.345.927	1.146.721.968.117
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.23	309.597.170.413	512.436.104.324
2.	Phải trả người bán	312	V.24	97.506.412.168	144.304.921.328
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.25	32.193.870.817	21.172.333.363
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.26	15.735.596.966	5.114.494.932
5.	Phải trả người lao động	315	V.27	4.047.119.880	9.939.966.152
6.	Chi phí phải trả	316	V.28	14.816.106.031	15.561.023.142
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.29	324.120.756.604	426.458.441.889
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	3.106.407.889
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.30	4.733.313.048	8.628.275.098
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		266.626.098.951	269.449.853.621
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.31	19.340.384.665	17.887.072.335
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.32	247.285.714.286	251.562.781.286
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.847.730.439.187	3.862.323.707.440
I.	Vốn chủ sở hữu	410		3.847.730.439.187	3.862.323.707.440
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	69.388.382.902	69.388.382.902
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	29.429.404.912	29.429.404.912
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.33	26.315.340.005	26.315.340.005
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	156.649.746.968	171.243.015.221

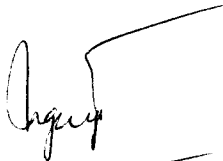
16

11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	4.917.106.884.065	5.278.495.529.178

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

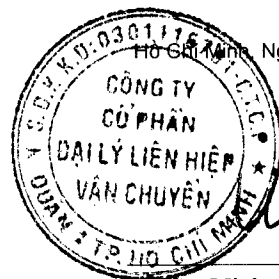
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÍ 2 NĂM 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT
Quý II Năm 2012

Chi tiêu	Quý 2		Tích lũy đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ	333.316.394.621	359.811.343.611	661.823.297.247	676.734.003.309
2 Các khoản giảm trừ				
3 Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	333.316.394.621	359.811.343.611	661.823.297.247	676.734.003.309
4 Giá vốn hàng bán	332.396.013.058	365.687.735.651	642.156.291.812	648.596.512.119
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	920.381.563	(5.876.392.040)	19.667.005.435	28.137.491.190
6 Doanh thu hoạt động tài chính	65.139.304.086	39.614.434.466	107.900.930.469	146.147.227.429
7 Chi phí tài chính	90.384.788.274	68.863.725.073	105.995.000.227	164.774.390.477
Trong đó :				
- Chi phí lãi vay	19.297.309.141	17.602.300.287	39.860.652.668	32.955.357.640
8 Chi phí bán hàng	1.884.618.460	1.030.471.440	3.163.274.944	2.244.595.998
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.631.419.429	16.580.207.031	37.443.904.007	29.660.382.686
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(50.841.140.514)	(52.736.361.118)	(19.034.243.274)	(22.394.650.543)
11 Thu nhập khác	124.786.410.516	25.089.577.726	125.515.867.958	27.986.321.857
12 Chi phí khác	104.065.030.174	12.017.080.612	104.526.194.903	10.838.846.185
13 Lợi nhuận khác	20.721.380.342	13.072.497.114	20.989.673.055	17.147.475.672
14 Lợi nhuận trước thuế	(30.119.760.172)	(39.663.864.004)	1.955.429.781	(5.247.174.871)
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.880.313.034		10.880.313.034	3.958.232.868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(41.000.073.206)	(39.663.864.004)	(8.924.883.253)	(9.205.407.739)

Trương Như Nguyên
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, Ngày 18 tháng 07 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

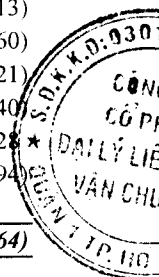
BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 2 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)****kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.955.429.781	(5.247.174.870)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	46.203.325.765	49.022.278.709
- Các khoản dự phòng	03	(7.196.488.101)	101.352.046.694
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(8.303.643.751)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(134.998.669.224)	(120.347.165.882)
- Chi phí lãi vay	06	39.860.652.668	32.955.357.640
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(54.175.749.111)	49.431.698.540
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	200.436.607.313	(117.476.802.960)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	28.897.898.070	(14.049.567.244)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(80.607.773.120)	(51.519.481.413)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	4.453.656.718	(355.826.360)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(42.898.864.588)	(37.712.045.821)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(371.446.344)	(3.180.196.240)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	17.315.605.830	87.992.776.728
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(12.455.294.197)	(20.447.253.594)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	60.594.640.571	(107.316.698.364)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(2.227.571.667)	(86.743.023.605)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	123.198.798.713	36.125.001.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(35.874.092.522)	(164.895.601.850)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	322.340.778.630	178.514.916.611
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(351.746.487.800)	(152.408.342.686)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	2.132.190.132
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.718.691.378	52.688.505.915
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	161.410.116.732	(134.586.353.666)





Cho quý 2 năm 2012


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	467.707.299.978	337.055.007.127
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(674.823.300.889)	(188.494.403.815)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	(2.992.176.207)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(65.074.274.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(272.190.274.911)	145.568.427.105
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(50.185.517.608)	(96.334.624.925)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	265.372.942.880	261.855.538.610
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	3.406.895.919
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	215.187.425.272	168.927.809.604

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kê toán trưởng


Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, bất động sản và trồng rừng
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Tập đoàn kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- **KHAI THÁC CẢNG:** Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: Cảng Phước Long, Cảng Nam Hải, Cảng Dung Quất, Cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án Cảng Container Nam Hải- Đình Vũ, Cảng nước sâu Gemalink Cái Mép và Cảng Gemadept Hoa Sen.
- **LOGISTICS:** Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không, v.v...
- **TRỒNG RỪNG :** Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
- **BẤT ĐỘNG SẢN:** Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp Gemadept tại Viêng Chăn – Lào.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 2 năm 2012 của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2012 và kết thúc 30 tháng 06 năm 2012.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

9. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Phần mềm kế toán

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 02 năm.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 01% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2011 : 20.828 VND/USD
30/06/2012 : 20.828 VND/USD

20. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.695.639.976	3.464.418.490
Tiền gửi ngân hàng	207.426.708.619	162.358.701.307
Tiền đang chuyển	4.065.076.677	424.203.083
Các khoản tương đương tiền		99.125.620.000
Cộng	<u>215.187.425.272</u>	<u>265.372.942.880</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	175.818.050.589	249.721.867.626
Đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh V.18)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	14.890.704.466	61.531.328.889
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i>	<i>14.890.704.466</i>	<i>29.239.045.500</i>
<i>Cho Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà vay</i>	<i>-</i>	<i>28.085.083.389</i>
<i>Cho Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistic vay</i>	<i>-</i>	<i>4.207.200.000</i>
Cộng	<u>673.108.755.055</u>	<u>793.653.196.515</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	152.689.541.964
Hoàn nhập dự phòng	(48.329.746.637)
Số cuối kỳ	<u>104.359.795.327</u>

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	321.733.771.105	376.062.337.992
Dịch vụ cho thuê tài sản	3.375.851.275	8.412.845.126
Cộng	<u>325.109.622.380</u>	<u>384.475.183.118</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	42.465.592.210	42.465.592.210
Công ty TNHH cảng Phước Long	12.842.885.436	62.298.411.025
Các nhà cung cấp khác	31.696.799.842	31.700.179.738
Cộng	<u>87.005.277.488</u>	<u>136.464.182.973</u>

6. Các khoản phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	14.104.328.001	26.327.524.193
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.200.000.000	3.300.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	340.024.519.285	316.873.457.807
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	33.500.000.000	82.750.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	169.262.284.678	112.195.967.663
- Gemadept (Singapore) Ltd.- tiền chi hộ	30.736.151.637	20.255.821.307
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	55.900.000.000	55.900.000.000
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M – tiền cho mượn	-	18.946.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn, khác	32.608.166.623	16.074.955.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn	14.986.272.000	8.986.272.000
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	1.193.923.986	1.156.734.311
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	1.837.720.361	607.707.526
Cổ tức, lợi nhuận được chia	115.325.661.044	90.805.100.312
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	98.595.000	26.733.065.975
Các khoản phải thu khác	237.011.645.979	297.347.461.555
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án trồng cao su	183.365.287.231	244.055.334.635
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án trồng cao su	35.284.262.624	32.077.494.392
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.617.553.940	4.617.553.940
- Các khoản phải thu khác	13.744.542.184	16.597.078.588
Cộng	<u>709.764.749.309</u>	<u>761.386.609.842</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần biển Nam Á	333.125.000	333.125.000
Công ty TNHH giao nhận vận tải quốc tế Nguyễn Trần	190.500.000	190.500.000
Công ty TNHH vận tải và xây dựng H.T.N	14.091.000	14.091.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Hà Hải	84.500.000	84.500.000
Công ty dầu thực vật Bình An	33.663.006	33.663.006
Công ty vận tải Nghĩa Hưng	20.412.000	20.412.000
Vinatrans Regional Container Lines	12.655.566	12.655.566
Ông Nguyễn Đức Hùng (Chi nhánh Hà Nội)	140.112.750	140.112.750
Cộng	<u>829.059.322</u>	<u>829.059.322</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

Nhiên liệu tồn trên tàu.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	4.588.382.451	12.853.503.270
Chi phí bảo hiểm	1.069.400.776	1.601.124.296
Công cụ, dụng cụ	2.883.478.337	2.398.453.034
Chi phí khác	9.642.481.309	1.974.821.503
Cộng	<u>18.183.742.873</u>	<u>18.827.902.103</u>

10. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	3.026.571.426	9.960.652.399
Cộng	<u>3.026.571.426</u>	<u>9.960.652.399</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	31.263.292.909	26.137.182.904
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.558.043.208	20.003.609.157
Cộng	<u>37.821.336.117</u>	<u>46.140.792.061</u>

12. Phải thu dài hạn khác

Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa. vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.191.510.150	130.198.672.581	981.505.938.880	11.567.858.904	1.189.463.980.515
Tăng trong kỳ	-	178.936.000	1.002.471.444	1.046.164.223	2.227.571.667
<i>Mua sắm mới</i>		178.936.000	1.002.471.444	1.046.164.223	2.227.571.667
<i>Tăng khác</i>					-
Giảm trong kỳ	(8.300.975.537)	(673.297.423)	(150.731.078.404)	(38.192.986)	(159.743.544.350)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(8.300.975.537)	(673.297.423)	(150.731.078.404)	(38.192.986)	(159.743.544.350)

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỮA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Giảm khác</i>					
Số cuối kỳ	57.890.534.613	129.704.311.158	831.777.331.920	12.575.830.141	1.031.948.007.832
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	30.381.581.789	106.218.721.242	392.612.940.469	10.108.783.672	539.322.027.172
Tăng trong kỳ	571.598.589	6.076.330.173	32.552.111.015	429.033.210	39.629.072.987
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>571.598.589</i>	<i>6.076.330.173</i>	<i>32.552.111.015</i>	<i>429.033.210</i>	<i>39.629.072.987</i>
<i>Tăng khác</i>					
Giảm trong kỳ	(6.519.845.542)	(653.757.603)	(59.545.308.506)	(38.192.986)	(66.757.104.637)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(6.519.845.542)</i>	<i>(653.757.603)</i>	<i>(59.545.308.506)</i>	<i>(38.192.986)</i>	<i>(66.757.104.637)</i>
<i>Giảm khác</i>					
Số cuối kỳ	24.433.334.836	111.641.293.812	365.619.742.978	10.499.623.896	512.193.995.522
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	35.809.928.361	23.979.951.339	588.892.998.411	1.459.075.232	650.141.953.343
Số cuối kỳ	33.457.199.777	18.063.017.346	466.157.588.942	2.076.206.245	519.754.012.310

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.141.659.925	17.494.143.335
Mua trong kỳ	-		
Giảm trong kỳ		(1.424.008)	(1.424.008)
Số cuối kỳ	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	3.378.657.983	3.378.657.983
Khấu hao trong kỳ	-	629.618.694	629.618.694
Giảm trong kỳ		-1.424.008	-1.424.008
Số cuối kỳ	-	4.006.852.669	4.006.852.669
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.352.483.410	6.763.001.942	14.115.485.352
Số cuối kỳ	7.352.483.410	6.133.383.248	13.485.866.658

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
-------------------	------------------------------------	--------------------------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	33.259.425.964	79.306.000	(949.636.363)	32.389.095.601
XDCB dở dang	7.521.605.919			7.521.605.919
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091			2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173			3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655			1.168.682.655
Cộng	<u>40.781.031.883</u>	<u>79.306.000</u>	<u>(949.636.363)</u>	<u>39.910.701.520</u>

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988
Tăng trong kỳ		5.946.058.092	
Số cuối kỳ	<u>279.448.439.795</u>	<u>46.192.345.899</u>	<u>233.256.093.896</u>

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư trên. Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	41.031.693.499
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	13.417.956.867
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	

17. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đầu tư (VND)</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	73,80	36.900.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000
Gemadept (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadept (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn	55,00	9,43	6.600.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Hội			
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadept	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadept	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa	5,00	5,00	700.000.000
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,52	2.152.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000
Đầu tư vào các Công ty khác			16.959.000.000
Cộng			959.595.944.122

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
MBN-GMD VIETNAM	34,00	34,00	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	29,00	29,00	32.206.940.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty TNHH Huyndai Merchant Marine Việt Nam	49,00	49,00	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	23,00	23,00	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty Sinokor Việt Nam	49,00	49,00	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link ^(*)	41,67	41,67	351.750.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	40,00	16,60	39.298.595.636
Công ty Cổ phần cảng Nam Hải - Đình Vũ			29.750.000.000
Cộng			730.468.067.779

(*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong năm 2012. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% .

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	171.884.041.600	203.374.669.600
Đầu tư tài chính dài hạn khác	341.643.680.124	66.011.901.494
Tiền gửi có kỳ hạn	-	140.900.000.000
Cộng	513.527.721.724	410.286.571.094

20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	67.461.299.641	34.175.795.640
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	72.793.065.255	57.608.649.841
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	17.804.905.253	22.035.158.242
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	3.753.600.170	3.753.600.170
Cộng	161.812.870.319	117.573.203.893

21. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối kỳ
Chi phí sửa chữa	3.785.191.740		3.785.191.740	-
Phần mềm kế toán	48.611.507		24.305.748	24.305.759
Cộng	3.833.803.247		3.809.497.488	24.305.759

22. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	833.120.000
Ký quỹ thuê tàu	41.220.000.000	41.656.000.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	704.747.120	289.527.120
Cộng	42.749.147.120	42.778.647.120

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**23. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	138.002.884.473	466.251.818.610
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	93.064.434.945
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(a)	113.319.789.511	188.478.630.148
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	24.683.094.962	44.713.351.517
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phnom Penh	-	139.995.402.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	145.880.000.226	5.750.000.000
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội ^(c)	5.750.000.000	5.750.000.000
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link	140.130.000.226	-
Vay dài hạn đến hạn trả	25.714.285.714	40.434.285.714
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	6.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	8.720.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	19.714.285.714	19.714.285.714
Cộng	<u>309.597.170.413</u>	<u>512.436.104.324</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.

(c) Khoản vay Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội để bổ sung vốn kinh doanh.

24. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	2.387.472.746	5.370.900.242
- Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	-	2.873.246.752
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	-	1.034.466.807
- Công ty TNHH cảng Phước Long	1.044.852.063	819.512.573
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	475.958.504	216.969.079
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	306.994.335	60.455.908
- Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine	1.000.000	24.677.699

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Việt Nam</i>		
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	459.493.604	338.119.840
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	99.174.240	3.451.584
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	95.118.939.422	138.934.021.086
Cộng	97.506.412.168	144.304.921.328

25. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	9.923.451.401	2.171.913.947
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	22.270.419.416	19.000.419.416
Cộng	32.193.870.817	21.172.333.363

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	15.735.596.966	5.114.494.932
Cộng	15.735.596.966	5.114.494.932

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi nhánh Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Nếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm nhỏ hơn 01% doanh thu thì phải nộp cho cơ quan thuế nước sở tại theo mức là 01% doanh thu.

27. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

28. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	5.568.634.601	8.606.846.521
Chi phí bốc xếp, lưu kho	5.283.401.584	4.946.206.266
Chi phí khác	3.964.069.846	2.007.970.355
Cộng	14.816.106.031	15.561.023.142
29. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	666.363.241	750.863.241
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.188.739.982	1.096.110.484
Cô tức phải trả	659.357.600	60.065.246.600
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.847.684.510	2.653.410.161
Doanh thu chưa thực hiện	6.936.608.863	2.766.834.580
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn đọng tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	16.163.762.376	31.121.216.700
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	273.517.909.486	289.207.472.218
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	120.853.141.332	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	19.273.533.586	34.701.883.766
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	33.227.370.790	33.227.370.790
- Gemadept (Singapore) Co., Ltd.	45.011.750.944	69.730.697.870
- Công ty TNHH cảng Phước Long	16.940.927.550	15.157.572.116
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	10.293.585.975	10.293.585.975
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	27.917.599.309	5.243.220.369
Các khoản phải trả khác	21.424.088.638	37.081.045.996
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	27.200.000.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	9.264.678.577
- Các khoản phải trả khác	12.159.410.061	616.367.419
Cộng	324.120.756.604	426.458.441.889
30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Số đầu năm	8.628.275.098	
Chi quỹ	(3.894.962.050)	
Số cuối kỳ	4.733.313.048	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**31. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	19.340.384.665	17.887.072.335
Cộng	<u>19.340.384.665</u>	<u>17.887.072.335</u>

32. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	247.285.714.286	251.562.759.286
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt ^(a)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	4.277.045.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(b)	187.285.714.286	187.285.714.286
Trái phiếu chuyển đổi	-	22.000
Cộng	<u>247.285.714.286</u>	<u>251.562.781.286</u>

(a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

33. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.094.473.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.315.340.005	26.315.340.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	156.649.746.968	171.243.015.221

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	109.447.309	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	109.447.309	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	109.447.309	109.447.309
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	109.447.309	109.447.309
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
- <i>Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...</i>	620.791.603.748	629.921.130.162
- <i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	41.031.693.499	46.812.873.147
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	661.823.297.247	676.734.003.309

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	628.738.334.945	632.336.461.317
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	13.417.956.867	16.260.050.802
Cộng	642.156.291.812	648.596.512.119

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Lãi tiền gửi	12.295.855.377	16.542.134.865
Cổ tức, lợi nhuận được chia	91.308.925.758	86.154.002.763
Chênh lệch tỉ giá	2.338.146.570	40.750.043.430
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.958.002.764	2.701.046.371
Cộng	107.900.930.469	146.147.227.429

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí lãi vay	39.860.652.668	32.955.357.640
Chi phí lãi thuê tài chính		74.156.964
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.193.944.654	21.180.656.249
Lỗ đầu tư chứng khoán	62.030.483.117	7.825.716.616
Dự phòng đầu tư tài chính	44.239.666.425	101.352.046.695
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(48.329.746.637)	-
Chi phí tài chính khác	-	1.386.456.313
Cộng	105.995.000.227	164.774.390.477

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.275.731.896	1.220.486.400
Chi phí khác	1.887.543.048	1.024.109.598
Cộng	3.163.274.944	2.244.595.998

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí cho nhân viên	19.224.913.053	12.051.593.789
Chi phí đồ dùng văn phòng	298.872.053	378.654.285
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.361.025.268	4.951.389.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.559.093.633	12.278.744.918
Cộng	37.443.904.007	29.660.382.686

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Thu nhập thanh lý, nhượng bán tài sản cố định...	125.252.082.173	27.624.110.908
Các khoản thu nhập khác	263.785.785	362.210.949
Cộng	125.515.867.958	27.986.321.857

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí thanh lý tài sản cố định	103.812.294.027	10.567.412.217
Các khoản chi phí khác	713.900.876	271.433.968
Cộng	104.526.194.903	10.838.846.185

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Quý II năm 2012

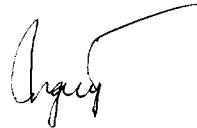
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)



9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	233.385.188.546	228.489.502.957
Chi phí nhân công	47.667.155.193	42.202.563.420
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.172.987.681	49.465.109.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	340.986.033.452	346.599.624.653
Chi phí khác	12.552.105.891	13.744.690.340
Cộng	682.763.470.763	680.501.490.804

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2012


Trương Như Nguyên
Người lập biểu


Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc